



PEUGEOT TRAVELLER



- Đèn Xenon có tích hợp rửa đèn
- Mâm 17-inch phong cách Phoenix
- Cửa kính sau mở rời
- Mặt ca-lăng viền chrome



Cụm đèn trước xenon, tích hợp rửa đèn



Mặt ca-lăng với viền chrome xung quanh, cùng logo Peugeot đặt tại vị trí trung tâm



Mâm hợp kim 17-inch phong cách Phoenix



Cửa kính sau mở rời tiện lợi



- Ghế trước chỉnh điện, sưởi, massage, bọc da
- Bệ tay trung tâm tích hợp tủ lạnh mini
- Đèn nội thất, sạc không dây
- Gương chiếu hậu chống chói
- Điều hòa độc lập 2 vùng



Ghế trước chỉnh điện, sưởi, massage, bọc da họa tiết mới



Trang bị bệ tay trung tâm ở giữa 2 ghế trước. Tích hợp tủ lạnh mini, dung tích 10L, làm lạnh đến -18°C.



Hàng ghế thứ 2 hoàn toàn mới, tích hợp bệ tay liền. Form ghế & họa tiết ghế mới, tựa đầu được nâng cấp. Bố trí tựa chân.



Hàng ghế 3 bọc da họa tiết mới, gập, trượt & tháo rời

ĐỘNG CƠ 2.0 HDi*



- Động cơ tăng áp mạnh mẽ
- Tiết kiệm nhiên liệu hiệu quả.

HỘP SỐ EAT6 **



- Thời điểm chuyển số phù hợp.
- Tích hợp công nghệ QuickShift giúp chuyển số nhanh và mượt mà.

KHUNG GẦM EMP2



Khung gầm EMP2

- Vận hành ổn định và êm ái.
- Hệ thống treo
- Treo trước Mcpherson
 - Treo sau độc lập với lò xo trụ

THÔNG SỐ VẬN HÀNH



150 hp / 4,000 rpm



370 Nm / 2,000 rpm



Tự động 6 cấp EAT6



Đô thị:

8.89 L / 100 km

Ngoài đô thị:

6.11 L / 100 km

Hỗn hợp:

7.11 L / 100 km

* HDi: High-pressure Direct injection

** EAT6: Efficient Automatic Transmission 6-speed



Đạt chuẩn an toàn 5 sao châu Âu.



6 túi khí quanh xe



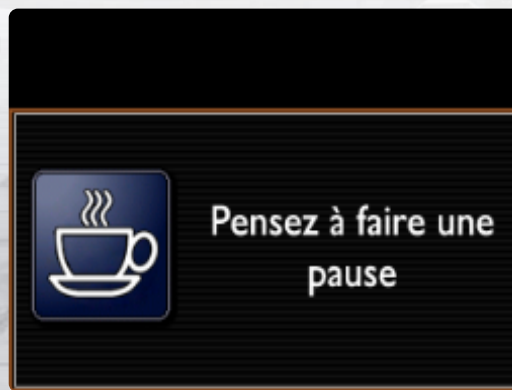
Camera lùi toàn cảnh giả lập



Cảnh báo lệch làn đường



Cảnh báo điểm mù



Cảnh báo người lái tập trung



Nhận diện biển báo



Peugeot Traveller Premium 7 chỗ bao gồm 4 tùy chọn màu sắc:



Màu trắng - KWE



Màu đen - KTV



Màu xám - EVL



Màu nâu - KCM

THÔNG SỐ KỸ THUẬT



THÔNG SỐ KỸ THUẬT		PREMIUM 7 CHỖ
KÍCH THƯỚC - TRỌNG LƯỢNG		
Kích thước tổng thể (DxRxC) (mm)		5315 x 1935 x 1915
Chiều dài cơ sở (mm)		3275
Khoảng sáng gầm xe (mm)		170
Dung tích thùng nhiên liệu		70 L
Số chỗ ngồi		7
ĐỘNG CƠ - VẬN HÀNH / ENGINE - PERFORMANCE		
Loại		Diesel 4 kì, 4 xy lạnh thẳng hàng, tăng áp
Dung tích xi lanh		1997 cc
Công suất cực đại		150 Hp / 4000 rpm
Mô men xoắn cực đại		370 Nm / 2000 rpm
Vận tốc tối đa		170 km/h
Hộp số		Tự động 6 cấp
Mức tiêu hao nhiên liệu	Trong đô thị	7,11 lít/ 100km
	Ngoài đô thị	8,89 lít/ 100km
	Kết hợp	6,11 lít/ 100km
KHUNG GẦM / CHASSIS		
Hệ thống treo	Trước	Độc lập kiểu MacPherson
	Sau	Hệ thống treo độc lập với lò xo trụ
Phanh trước/sau		Đĩa x Đĩa
Cơ cấu lái		Trợ lực thủy lực
Mâm xe		Mâm đúc hợp kim 17-inch
Lốp xe		215/60R17
NGOẠI THẤT / EXTERIOR		
Đèn pha Xenon		•
Đèn LED ban ngày		•
Đèn sương mù		•
Cửa (cốp) sau sấy kính, gạt mưa, mở rời		•
Cửa sổ trời toàn cảnh		•
Gương chiếu hậu chống chói, gập điện tích hợp sấy kính		•
Đèn pha tự động + Gạt mưa tự động		•
Cửa hông trượt điện 2 bên tích hợp cảm biến chân		•
Rửa đèn		•



THÔNG SỐ KỸ THUẬT	PREMIUM 7 CHỖ
NỘI THẤT	
Lấy chuyển số sau vô lăng	•
Gương quan sát trẻ em	•
Cần số điện tử dạng núm xoay	•
Màn hình HUD / Head Up Display	•
Đèn soi bước chân	•
Rèm che nắng hàng ghế 2	•
Vô lăng bọc da	•
Điều hòa tự động 2 vùng	•
Màn hình cảm ứng 7"	•
Nguồn 12V x 4 và nguồn 220V	•
Bệ tỳ tay trung tâm tích hợp tủ đông và sạc không dây	•
Hàng ghế thứ nhất	Chỉnh điện, massage, sưởi
Hàng ghế thứ 2	Chỉnh điện 8 hướng, bệ đỡ chân, massage, sưởi, thông gió, sạc không dây và cổng sạc USB
Hàng ghế thứ 3	Ghế trượt, gập, tháo rời
Đèn trang trí nội thất / Ambient light	Đèn LED tại kính trời
AN TOÀN / SAFETY	
ABS + EBD + EBA	•
Hệ thống cân bằng điện tử ESP	•
Hệ thống chống trượt ASR	•
Hệ thống kiểm soát chế độ lái (Advanced Grip Control)	•
Hệ thống khóa điều khiển từ xa (Keyless entry system)	•
Điều khiển hành trình	•
Giới hạn tốc độ	•
Khóa trẻ em chỉnh điện	•
Hệ thống 6 túi khí	•
Cảnh báo chệch làn đường	•
Cảm biến trước sau	•
Cảnh báo điểm mù	•
Camera lùi 180 độ	•
Nhận diện biển báo	•
Cảnh báo áp suất lốp gián tiếp	•



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN